

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

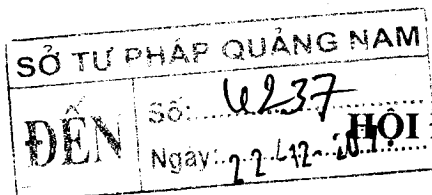
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **47** /2017/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án thuộc
các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 – 2020
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Xét Tờ trình số 6521/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân tỉnh về đề nghị ban hành Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 148/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

Các chủ đầu tư dự án và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Các khoản chi phí được đưa vào quy định chi phí hỗ trợ

1. Chi phí quản lý dự án: Là chi phí cần thiết để chủ đầu tư tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng.

2. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: Bao gồm các khoản chi phí khảo sát, lập hồ sơ xây dựng, giám sát xây dựng và các chi phí tư vấn khác liên quan.

a) Chi phí khảo sát: UBND cấp xã quyết định việc khảo sát địa hình, địa chất để phục vụ thiết kế, thi công công trình.

b) Chi phí lập hồ sơ xây dựng: Là chi phí cho công tác lập hồ sơ dựa theo hồ sơ thiết kế mẫu, thiết kế điện hình. Hồ sơ này thay cho báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (đối với công trình thông thường).

c) Chi phí giám sát: Là chi phí cho công tác giám sát đầu tư xây dựng công trình.

d) Chi phí thẩm tra thiết kế, dự toán: không thực hiện.

3. Chi phí khác: Bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng; không có chi phí kiểm toán.

4. Chi phí dự phòng: Bao gồm yếu tố trượt giá và khối lượng phát sinh theo quy định.

Điều 3. Quy định chi phí quản lý dự án

Chi phí quản lý dự án (Gqlda): Bằng chi phí xây dựng trước thuế (Gxd/1,1) nhân với hệ số K. Hệ số K được lấy từ Bảng số 1 của Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Xây dựng nhân với 80% (do có sử dụng thiết kế mẫu), cụ thể như sau:

TT	Loại công trình	Bảng số 1 (<i>QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017</i>)	Hệ số K
1	Công trình dân dụng	3,282%	2,6256%
2	Công trình giao thông	2,936%	2,3488%
3	Công trình NN và PTNT	3,108%	2,4864%
4	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2,763%	2,2104%

Điều 4. Quy định chi phí tư vấn

1. Chi phí khảo sát địa hình, địa chất: Việc tính toán chi phí khảo sát địa hình, địa chất theo định mức quy định của Thông tư 01/2017/TT-BXD ngày 06 tháng 2 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng.

2. Chi phí lập hồ sơ xây dựng: Bằng Chi phí xây dựng (Gxd) nhân với hệ số K.

a) Trường hợp sử dụng hoàn toàn thiết kế mẫu: Hệ số K được lấy từ Bảng số 4 của Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng nhân

với 80% (có sử dụng thiết kế mẫu) nhân với 70% (chỉ lập thiết kế - dự toán) nhân với 12% (lập dự toán) nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng, cụ thể như sau:

TT	Loại công trình	Bảng số 4 (QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)			Hệ số K		
		Gxd <= 1 tỷ	Gxd= 3 tỷ	Gxd= 5 tỷ	Gxd <= 1 tỷ	Gxd= 3 tỷ	Gxd= 5 tỷ
1	Công trình dân dụng	6,5%	4,7%	4,45%	0,437%	0,316%	0,299%
2	Công trình giao thông	5,4%	3,6%	3,15%	0,363%	0,242%	0,218%
3	Công trình NN và PTNT	6,2%	4,4%	4,15%	0,417%	0,296%	0,279%
4	Công trình hạ tầng kỹ thuật	5,8%	4,2%	3,80%	0,390%	0,282%	0,255%

b) Trường hợp sử dụng thiết kế mẫu nhưng có phát sinh hạng mục hoặc kết cấu móng thay đổi: Hệ số K được lấy từ Bảng số 4 của Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Xây dựng nhân với 80% (có sử dụng thiết kế mẫu) nhân với 70% (chỉ lập thiết kế - dự toán) nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng, cụ thể như sau:

TT	Loại công trình	Bảng số 4 (QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)			Hệ số K		
		Gxd <= 1 tỷ	Gxd= 3 tỷ	Gxd= 5 tỷ	Gxd <= 1 tỷ	Gxd = 3 tỷ	Gxd = 5 tỷ
1	Công trình dân dụng	6,5%	4,7%	4,45%	3,640%	2,632%	2,492%
2	Công trình giao thông	5,4%	3,6%	3,15%	3,024%	2,016%	1,764%
3	Công trình NN và PTNT	6,2%	4,4%	4,15%	3,472%	2,464%	2,324%
4	Công trình hạ tầng kỹ thuật	5,8%	4,2%	3,80%	3,248%	2,352%	2,128%

Điều 5. Chi phí giám sát

Chi phí giám sát bằng chi phí xây dựng (Gxd) nhân với hệ số K. Hệ số K được lấy từ Bảng số 22 của Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Xây dựng nhân 80% (có sự tham gia của Ban quản lý xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã), cụ thể như sau:

TT	Loại công trình	Bảng số 22 (QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	Hệ số K
1	Công trình dân dụng	3,285%	2,628%
2	Công trình giao thông	3,203%	2,562%
3	Công trình NN và PTNT	2,598%	2,078%
4	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2,566%	2,053%

Điều 6. Chi phí khác

1. Chi phí bảo hiểm: Bằng Gxd nhân với hệ số $K=0,08\%$.
2. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Được tính theo định mức của Thông tư:09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính.
3. Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng: Bằng tổng dự toán nhân với hệ số $K=0,019\%$.

Điều 7. Quy định đối với dự án có tổng mức dự toán trên 05 tỷ

1. Trường hợp có thiết kế mẫu do UBND tỉnh ban hành thì các chi phí trên sẽ cập nhật và bổ sung vào Đề án, trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất để UBND tỉnh ban hành việc áp dụng.
2. Trường hợp không có thiết kế mẫu do UBND tỉnh ban hành thì các chi phí trên được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 8. Nguồn kinh phí

Mức hỗ trợ khoán gọn quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Nghị quyết này nằm trong tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho từng dự án.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2017.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017. / huoh

Nơi nhận: *huy*

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Bộ Xây dựng;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại QN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Báo QNam, Đài PT-TH QNam;
- CPVP, CV;
- Lưu VT, TH (Huy).

CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Quang

Nguyễn Ngọc Quang